TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 6 -2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Mên

2. Ông Huỳnh Văn Đương

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh*:** Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc " Tranh chấp ly hôn, nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh ngày 25/8/1993. Địa chỉ: Khu Phố L, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. (Xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Võ Ngọc C, sinh ngày 17/10/1998. Địa chỉ: Khóm I, thị Trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 2018 tôi và anh Võ Ngọc C quen biết nhau khi đi làm ở C, Thành Phố Hồ Chí Minh, đến năm 2019 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn M1, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thị Trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do chồng tôi thường xuyên đi uống rượu bia, chồng tôi đuổi tôi nhiều lần nhưng sau đó năn nỉ tôi về, vì có hai con nhỏ tôi cố gắng làm nhiều việc để có tiền lo cho con nhưng chồng không thay đổi đến tháng 11/2023 thì vợ chồng ly thân cho đến nay, sống chung không hạnh phúc, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu ly hôn với anh C. Về con chung Võ Trần Thiên M, sinh ngày 08/3/2020, Võ Trần Khánh A sinh ngày 04/5/2021, tôi đang nuôi, tôi yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Ngọc C, mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, cũng không có yêu cầu phản tố hay cung cấp chứng cứ gì. Anh C vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Võ Ngọc C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và nguyên yêu cầu theo bản khai đã nộp cho Toà án, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

*Về thủ tục tố tụng:*Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị H ly hôn anh C. Về con chung: Giao hai con cho chị H nuôi dưỡng là Võ Trần Thiên M, sinh ngày 08/3/2020, Võ Trần Khánh A sinh ngày 04/5/2021.Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không xem xét.Về tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị H và anh C là tranh chấp về ly hôn và nuôi con; bị đơn đang cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, chị H xin xét xử vắng mặt, anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Chị H và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị Trấn M1, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 03/9/2019 là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị H và anh C là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu của chị H về yêu cầu xin ly hôn anh C, thì thấy rằng chị H khai: Trong thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về lối sống, anh C không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cải nên đã sống ly thân, thời gian ly thân chị và anh C không gặp nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống, tình cảm vợ chồng không còn, nay chị H xin được ly hôn với anh C.

Qua xác minh tại địa phương nơi anh C sinh sống của Toà án thì được biết sau khi nhận văn bản của Toà hai lần, anh C không đến Toà để giải quyết việc ly hôn mà anh C bỏ đi Thành Phố Hồ Chí Minh làm thuê, anh C không đồng ý ly hôn, yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Tuy nhiên anh C không đến Toà để gặp chị H trao đổi, bàn bạc việc đoàn tụ, điều này chứng minh rằng anh C không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng với chị H và các con. Nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa chị H và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị H tự nguyện xin ly hôn anh C là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh C.

[2.3] *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung tên Võ Trần Thiên M, sinh ngày 08/3/2020, Võ Trần Khánh A sinh ngày 04/5/2021 hiện tại đang sống chung với chị H.

Xét thấy con chung của chị H và anh C từ khi vợ chồng ly thân, chị H nuôi dưỡng cho đến nay, cuộc sống của con đã ổn định, vì vậy chấp nhận yêu cầu được nuôi con của H, giao hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Võ Ngọc C.

- Về con chung: Giao con tên Võ Trần Thiên M, sinh ngày 08/3/2020, Võ Trần Khánh A sinh ngày 04/5/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001205 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị H đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Mỹ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tranh